

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2020/HN-ST

Ngày: 18-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tấn Khoa**

2. Bà **Phan Thị Nga**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Phước Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bảo T**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Chí D**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T trình bày, bà và ông Nguyễn Chí D sống chung vào năm 1993, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Rê M, sinh ngày 08/8/1994 (đã trưởng thành), Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 07/9/2006, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Phát Đ, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Chí D trình bày, thừa nhận thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và không sống chung như bà T trình bày là đúng. Nay bà T yêu cầu được ly hôn, ông đồng ý.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Rê M, sinh ngày 08/8/1994 (đã trưởng thành), Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 07/9/2006, hiện đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu Đ, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bảo T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Chí D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Nguyễn Thị Bảo T khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Chí D có nơi cư trú ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Nguyễn Chí D sống chung vào năm 1993 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T xin ly hôn, ông D đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, nhưng bà T, ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc nên đã đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà T phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên việc bà T xin ly hôn ông D là có cơ sở chấp nhận.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Vợ chồng xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị Rê M, sinh ngày 08/8/1994 (đã trưởng thành), Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 07/9/2006, hiện đang sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà T, ông D đều yêu cầu được nuôi cháu Đ, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện, nuôi dưỡng về vật chất, cũng như tinh thần, đảm bảo cho con chung phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội. Mặt khác, cũng phải căn cứ nguyện vọng của con chung để xem xét. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Đ và cháu có nguyện vọng sống chung với bà T sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và đáp ứng nguyện vọng của

cháu Đ. Nên yêu cầu của bà T về việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Bà T, ông D xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Nguyễn Thị Bảo T** xin ly hôn ông **Nguyễn Chí D**.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 07/9/2006, hiện đang sống với bà T. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ghi nhận bà T, ông D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà T, ông D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0007859 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Phước Xuân;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức